

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 30-6-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Ngạn và ông Nguyễn Quang Miên.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà: Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn T. N., sinh năm 1990 (*có mặt*).

ĐKKH: Thôn Phúc A, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn Ngọc Lâu, xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn V. K., sinh năm 1984 (*vắng mặt*).

ĐKKH: Thôn Phúc A, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn T. N. trình bày: Chị và anh Nguyễn V. K. được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/01/2011. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh chị không có tiếng nói chung, một phần anh K. là người mải chơi, không có trách nhiệm đến gia đình dẫn đến anh chị xảy ra cãi nhau gia đình luôn căng thẳng. Khi vợ chồng mới cưới nhau kinh tế khó khăn nên chị đã vay mượn tiền của những người thân trong gia đình để làm thủ tục cho anh sang Đài Loan làm thêm cải thiện kinh tế, N.ng từ khi sang Đài Loan anh K. vẫn ham chơi, không chịu làm ăn nên không có tiền. Đến năm 2018 hết hợp đồng, anh K. về nước không chịu đi làm, thường xuyên tụ tập bạn bè sử dụng ma túy. Chị và gia đình nhiều lần động viên N.ng anh không nghe, dẫn đến vợ chồng cãi nhau làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, tình cảm ngày càng rạn nứt có khoảng cách, vì nghĩ đến các con nên chị nhẫn nhịn chịu đựng. Do không thể tiếp tục chung sống cùng anh K. được nữa chị cùng hai con đã về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 02 năm 2021. Nay chị xác định giữa chị và anh K. không còn tình cảm, không có biện pháp gì để hàn gắn níu kéo, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn V. K..

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn L. V., sinh ngày 27/8/2011 và Nguyễn Bảo An, sinh ngày 13/11/2013. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh K. cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị. Chị mở quán kinh doanh tạp hóa tại gia đình, thu nhập ổn định từ 6.500.000đồng đến 7.500.000đồng/tháng, chị được gia đình tạo điều kiện về chỗ ở, hiện nay cả hai con đang sinh sống, học tập ổn định cùng chị tại thôn Ngọc Lâu, xã Cẩm Hoàng. Do đó chị khẳng định đủ điều kiện để nuôi con được phát triển một cách tốt nhất về tinh thần cũng N. vật chất. Hơn nữa chị bán hàng tại nhà nên có thời gian chăm sóc dạy dỗ các con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã đến trực tiếp Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương để giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh K., đồng

thời hướng dẫn anh K. viết bản tự khai. Mặc dù anh K. đã biết yêu cầu khởi kiện của chị N. N.ng anh không viết. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và lập biên bản làm việc anh trình bày: Anh công nhận về điều kiện và thời gian kết hôn N. chị N. trình bày trên là đúng. Anh xác định trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn N.ng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị nên không nhất trí ly hôn. Nếu chị vẫn cương quyết ly hôn thì đó là việc của chị N., Tòa án cứ giải quyết đơn phương cho chị, anh đang cai nghiện nên không thể về tham gia tố tụng tại Tòa án được, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn L. V., sinh ngày 27/8/2011 và Nguyễn Bảo An, sinh ngày 13/11/2013, anh không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn L. V. và cháu Nguyễn B. A.đều trình bày: Trong cuộc sống bố mẹ có xảy ra mâu thuẫn, không còn sự quan tâm đến nhau và không chung sống cùng nhau. Bố đang đi cai nghiện không có nhà. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ ly hôn thì chị em chúng cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ là Nguyễn T. N. vì từ trước đến nay mẹ là người chăm lo cuộc sống cho chị em cháu.

Đại diện gia đình chị N. và đại diện gia đình anh K. trình bày: Chị N. và anh K. được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Phúc vào năm 2011. Quá trình chung sống anh chị nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K. chơi bời và nghiện ma túy. Khi biết mâu thuẫn của anh chị gia đình cũng đã động viên hàn gắn cho anh chị N.ng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng hơn. Chị N. cùng các con đã về nhà bố mẹ để sinh sống, còn anh K. đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương. Quan điểm của đại diện hai gia đình đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Anh Nguyễn V. K. và chị Nguyễn T. N. kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Phúc vào năm 2011 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Anh chị đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Qua nắm bắt thực tế địa phương được biết anh K. là người chơi bời, không có việc làm ổn định và nghiện ma túy. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị N. vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn với anh K. và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi thành niên, tự nguyện không yêu cầu anh K. phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn cơ bản chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn T. N. ly hôn anh Nguyễn V. K..

+ Về quan hệ con chung: Giao hai con chung là Nguyễn L. V., sinh ngày 27/8/2011 và Nguyễn Bảo An, sinh ngày 13/11/2013 cho chị Nguyễn T. N. tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N. không yêu cầu anh K. cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

+ Về án phí: Chị Nguyễn T. N. phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn T. N. có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn với anh Nguyễn V. K., đồng thời giải quyết về con chung của vợ chồng khi ly hôn. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh K. là bị đơn đăng ký hộ khẩu tại thôn Phúc A, xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương ở khu Cầu Dồng, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh K. đã thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của chị N.. Tuy nhiên anh K. đang cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Hải Dương nên vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh K..

[2]. Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn T. N. và anh Nguyễn V. K. kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/01/2011 là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, bản thân anh K. chơi bời mắc tệ nạn xã hội cụ thể là nghiện ma túy cũng là một phần nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kinh tế và tình cảm vợ chồng. Trong cuộc sống đối xử với nhau lạnh nhạt, không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau và không có biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo tình cảm. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải N. tình cảm không được cải thiện, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị N. phù hợp với lời trình bày của đại diện hai bên gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị N. và anh K. đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N. là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị N. được ly hôn anh K..

- *Về quan hệ con chung*: Anh chị có hai con chung là Nguyễn L. V., sinh ngày 27/8/2011 và Nguyễn Bảo An, sinh ngày 13/11/2013. Xét điều kiện thực tế và nguyện vọng của con chung, việc chăm lo cho các con chung từ trước đến nay đều do một mình chị thực hiện. Anh K. không có nghề nghiệp và đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy nên việc giao con cho anh K. chăm sóc nuôi dưỡng là không phù hợp. Trong khi chị N. đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung vẫn phát triển bình thường, có chỗ ở công việc thu nhập ổn định, có thời gian chăm lo cho con chung, nguyện vọng của các con chung muốn được sinh sống cùng chị N.. Để đảm bảo cuộc sống, đảm bảo quyền lợi của con chung không làm xáo trộn và phù hợp với nguyện vọng của con chung, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con cho chị N. tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên trong điều kiện N. hiện nay là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét việc chị N. không yêu cầu anh K. cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung, công sức*: Chị N. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn T. N. là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn T. N. ly hôn anh Nguyễn V. K..

[2]. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn L. V., sinh ngày 27/8/2011 và Nguyễn Bảo An, sinh ngày 13/11/2013 cho chị Nguyễn T. N. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N. không yêu cầu anh K. phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn T. N. phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn N.ng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số AA/2018/0000322 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn T. N. đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm ly hôn.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

N-i nhĒn:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cẩm Giàng;*
- *Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;*
- *UBND xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng (để ghi vào sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Hà